TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 262/2018/HNGĐ-ST Ngày 12-11-2018 V/v: "Ly hôn giữa chị N và anh T"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Kiêm

Bà Trần Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm 3, Xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm 3, Xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị Phạm Thị N, vắng mặt anh Phạm Văn T không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N kết hôn với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 06-7-1993 tại UBND xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị N và anh T chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở xóm 3, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, vợ chồng đều làm ruộng, có thời gian vợ chồng đi Hà Nội thuê địa điểm bán hàng ăn, năm 2002 vợ chồng cùng nhau vào tỉnh Bạc Liêu nuôi tôm đến năm 2006 vợ

chồng về quê sống sau đó cả hai người đều đi xuất khẩu lao động, những năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc bình tA. Đến ngày 28 tháng 7 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, anh T nhiều lần uống rượu say về gây sự đánh chửi chị N, anh T còn nghi ngờ chị N không chung thủy, vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 7 năm 2018. Nay chị N xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có tương lai, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng, anh T không còn tin tưởng vào tình cảm của chị N nên chị N vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng chị N, anh T có hai con chung cháu Phạm Thị A, sinh ngày 04-5-1994 hiện nay đã đến tuổi trưởng thành lập gia đình riêng và cháu Phạm Thanh B, sinh ngày 13/3/1999 đã chết vào ngày 03/3/2018. Khi ly hôn chị N không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về con chung.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Chị Phạm Thị N không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng. Về công nợ, chị N và anh T sẽ tự thương lượng, thỏa thuận với nhau không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, hiện nay vợ chồng chị không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến làm việc và nhận các văn bản tố tụng, anh T đã đến Tòa án nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải sau đó anh T cố tình không đến làm việc, buộc cán bộ Tòa án phải gửi thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh T nhận thông qua bưu chính viễn thông huyện Hải Hậu theo quy định của pháp luật để anh T biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của anh. Hết thời hạn ghi trong thông báo nB anh T không có văn bản ghi ý kiến của mình để giao nộp cho Toà án, anh cũng cố tình không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa lần 1. Vì vậy anh T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về quan hệ nuôi con: Anh Phạm Văn T không có ý kiến gì trình bày về con chung.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Văn T không có ý kiến gì trình bày về quan hệ tài sản chung và công nợ.

Tại phiên toà hôm nay, chị Phạm Thị N vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Anh Phạm Văn T vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nB vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 06-7-1993 tại UBND xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa Phạm Thị N và anh Phạm Văn T là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, vợ chồng có xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, anh T nghi ngờ chị N không chung thủy, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay được hơn 3 tháng.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn T là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn T có hai con chung cháu Phạm Thị A, sinh ngày 04-5-1994 và cháu Phạm Thanh B, sinh ngày 13/3/1999, cháu A đã đến tuổi trưởng thành, lập gia đình riêng, đã có khả năng tự lập được nên cháu A làm gì và ở với ai là quyền của cháu, cháu B đã chết vào ngày 03/3/2018, chị N không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, anh T không có ý kiến gì về con chung của vợ chồng nên Tòa án không cần đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Theo lời khai của chị Phạm Thị N, thì chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng chị. Chị N và anh T sẽ tự thương lượng, thỏa thuận với nhau về công nợ nên chị cũng không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, vợ chồng chị không cho ai vay nợ, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng. Anh Phạm Văn T không có ý kiến gì trình bày về quan hệ tài sản chung và công nợ nên khi giải quyết ly hôn về quan hệ chia tài sản và công nợ của chị N và anh T, Toà án không cần đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban TA vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nB được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000135 ngày 27-8-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Lại Văn Tùng